

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ND**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2022
V/v: Ly hôn giữa Chị Đỗ Thị X
và Anh Trần Văn H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ND

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Anh Tuấn

Bà Bùi Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh ND.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh ND xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11-7-2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị X; sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn Phú C, xã Minh T, huyện VB, tỉnh ND.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H; sinh năm 1984; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Phú C, xã Minh T, huyện VB, tỉnh ND;

Hiện đang cư trú tại Angola;

Tại phiên tòa: Có mặt Chị Đỗ Thị X, vắng mặt Anh Trần Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26-4-2022 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Chị Đỗ Thị X trình bày: Chị Đỗ Thị X đăng ký kết hôn với Anh Trần Văn H vào ngày 30-9-2009 tại Ủy ban nhân dân xã Minh T, huyện VB, do tự nguyện, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên do kinh tế khó khăn, năm 2013 anh H đi xuất khẩu lao động tại Angola, sau khi anh H đi xuất khẩu lao động thì tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, anh H không liên lạc gì với vợ con, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ,

không liên lạc gì với nhau nữa, hiện anh H đã có người phụ nữ khác và có thêm 01 con trai 05 tuổi. Vì vậy, chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa và xin ly hôn.

Về con chung: Chị X trình bày, giữa chị và anh H có 02 con chung là Trần Thị Ánh H, sinh ngày 15-7-2010 và Trần Khánh L, sinh ngày 28-02-2012. Ly hôn, chị X xin trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Theo chị X, vợ chồng không có tài sản chung, hiện không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, chị X không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ.

Tòa án đã thông báo nghĩa vụ cung cấp địa chỉ cho gia đình anh H, bà Nguyễn Thị K (là mẹ đẻ anh H) và chị Trần Thị Ngọc B (là chị gái của anh H) đã làm việc với Toà án vào ngày 10-6-2022 xác nhận: Anh H vẫn liên lạc bằng điện thoại với gia đình, gia đình đã thông báo cho anh H biết về việc Toà án đang thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị X, đã thông báo Công văn, lịch trình giải quyết vụ án của Toà án cho anh H, anh H có quan điểm việc ly hôn tùy ở chị X, anh H không có ý kiến gì, vì vợ chồng ly thân đã 08 năm nay, anh H cũng không thể về nước. Về con chung và tài sản, anh H nhất trí như trình bày và quan điểm của chị X. Sở dĩ gia đình không cung cấp địa chỉ của anh H cho Toà án được, vì anh H không có nơi ở ổn định, không thông báo địa chỉ cụ thể cho gia đình biết. Quan điểm của gia đình anh H đồng ý với các nội dung trình bày và đề nghị của chị X.

Tại phiên toà: Chị Đỗ Thị X giữ nguyên quan điểm về việc xin ly hôn anh H và xin được giao trực tiếp nuôi 02 con chung, tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND có quan điểm: Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Người tham gia tố tụng, phía Chị Đỗ Thị X đã thực hiện đúng. Còn anh H đã biết về việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của Chị Đỗ Thị X, nhưng anh H không cung cấp địa chỉ, không chấp hành theo giấy triệu tập, cũng không có lời khai gửi về Tòa án là cố tình dấu địa chỉ, từ chối khai báo, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng. Việc Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H là đúng. Về nội dung: Do anh H đi hợp tác lao động ở nước ngoài nhiều năm không liên lạc với chị X, cuộc sống vợ chồng giữa chị X và anh H đã không tồn tại trên thực tế, nên không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Đỗ Thị X, giao cháu Trần Thị Ánh H và cháu Trần Khánh L cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị X về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung và buộc chị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Có đủ căn cứ xác định anh H đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của Chị Đỗ Thị X nhưng cố tình dấu địa chỉ, từ chối khai báo bởi lẽ, khi làm việc với Tòa án bà Nguyễn Thị K (mẹ anh H) và chị Trần Thị Ngọc B (chị gái của anh H) đã nhận trách nhiệm chuyển giấy tờ tài liệu cho anh H, đồng thời thừa nhận anh H đã được gia đình thông báo về việc Tòa án đã thụ lý đơn xin ly hôn của Chị Đỗ Thị X, thông báo Công văn và lịch trình giải quyết vụ án tại Tòa án cho anh H biết, anh H vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với gia đình, nên có đủ điều kiện xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b tiểu mục 2.1. mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16-4-2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết ly hôn với một bên đương sự đang ở nước ngoài và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26-11-2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài, nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị X và Anh Trần Văn H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, đã sống ly thân từ lâu. Xét điều kiện, vợ chồng anh chị đã mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau. Từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình, đặc biệt cả hai bên không còn thiện chí thực hiện nghĩa vụ sống chung với nhau theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về “Tình nghĩa vợ chồng”. Tòa án đã gửi công văn yêu cầu anh H trả lời, trình bày quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của Chị Đỗ Thị X, gửi lịch trình làm việc với Tòa án cho anh H thông qua gia đình, nhưng anh H không về làm việc, không có bất cứ tài liệu nào gửi về Tòa án, không cung cấp địa chỉ, chứng tỏ anh H đã có ý thức bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm vợ chồng với chị X. Còn phía Chị Đỗ Thị X đã khẳng định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống vợ chồng giữa chị X và anh H đã không còn tồn tại trên thực tế, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đỗ Thị X xin ly hôn với Anh Trần Văn H, để giải phóng cho hai bên có điều kiện xây dựng cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Đỗ Thị X về việc xin trực tiếp nuôi 02 con chung là Trần Thị Ánh H và Trần Khánh L cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các khoản 1, 2 Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123, khoản 2 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 16 Điều 70, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b tiểu mục 2.1. mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16-4-2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết ly hôn với một bên đương sự đang ở nước ngoài và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26-11-2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ,

Xử lý hôn giữa Chị Đỗ Thị X với Anh Trần Văn H;

Giao cháu Trần Thị Ánh H, sinh ngày 15-7-2010 và cháu Trần Khánh L, sinh ngày 28-02-2012 cho Chị Đỗ Thị X có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành có khả năng lao động tự lập được;

Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Đỗ Thị X không yêu cầu Anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con;

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nhưng, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con;

2. Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Chị Đỗ Thị X phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Chị Đỗ Thị X đã nộp tại biên lai số 0006742 ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh ND (Chị Đỗ Thị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ các khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự, báo cho Chị Đỗ Thị X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt cho bố mẹ anh H là ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị K hoặc thực hiện việc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh NĐ;
- Cục Thi hành án DS tỉnh NĐ;
- UBND xã Minh T, huyện VB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Tuyết